

## HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG SẢN XUẤT GIỮA DOANH NGHIỆP VỚI HỘ NÔNG DÂN - TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TRONG SẢN XUẤT CHÈ VÀ MÍA ĐƯỜNG Ở SƠN LA

Processing Enterprise - Household Farming Contract Models:  
Case Study on Tea and Sugar Cane Production in SonLa Province

Lê Hữu Ảnh<sup>1</sup>, Nguyễn Quốc Oánh<sup>1</sup>, Nguyễn Duy Linh<sup>1</sup>,  
Hoàng Thị Hà<sup>2</sup>, Lê Phương Nam<sup>3</sup>

<sup>1</sup> Khoa Kế toán và Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

<sup>2</sup> Học viện cao học Quản trị kinh doanh, khoá 17, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

<sup>3</sup> Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Địa chỉ email tác giả liên lạc: lhanh@hua.edu.vn

Ngày gửi đăng: 10.09.2011; Ngày chấp nhận: 15.11.2011

### TÓM TẮT

Sơn La là một tỉnh miền núi phía Bắc đã hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung, trong đó nổi bật với sản phẩm chè và mía. Các doanh nghiệp chế biến trong vùng nguyên liệu đã có nhiều hình thức liên kết sản xuất thông qua hợp đồng sản xuất đa dạng với hộ nông dân. Qua điều tra 8 cơ sở chế biến chè và 60 hộ trồng chè tại Mộc Châu, 4 cơ sở chế biến đường và 60 hộ trồng mía ở Mai Sơn. Kết quả cho thấy các doanh nghiệp đang sử dụng 4 hình thức hợp đồng sản xuất với hộ nông dân gồm: giao khoán trên đất của công ty; công ty đầu tư và thu mua sản phẩm cho hộ sản xuất; công ty bán vật tư, mua sản phẩm cho hộ sản xuất và công ty hợp đồng mua sản phẩm cho hộ. Từ đó xác định được đặc điểm của các hình thức hợp đồng sản xuất, mức độ thực hiện hợp đồng sản xuất trong vùng. Nghiên cứu cũng tính được kết quả phân phối lợi ích trong các hình thức hợp đồng sản xuất. Cuối cùng chúng tôi đã đề xuất 3 giải pháp tăng cường hợp đồng sản xuất giữa doanh nghiệp với hộ nông dân: i/ Phát huy vai trò doanh nghiệp trong quan hệ hợp đồng sản xuất; ii/ Sử dụng đa dạng và linh hoạt các hình thức hợp đồng sản xuất và iii/ Cải thiện quan hệ lợi ích giữa các bên trong hợp đồng sản xuất.

Từ khóa: Hợp đồng nông nghiệp, sản xuất chè, sản xuất mía đường, Sơn La.

### ABSTRACT

Son La, a mountainous province in Northern Vietnam, is known with concentrated commodity production zones that favored its natural characteristics, especially tea and sugar-cane productions. Within each production zone, the cooperation between processing enterprises and producers under farming contract has been diversified recently. The study surveyed 8 tea - processing plants and 60 tea growers in Moc Chau, 4 sugar cane processing plants and 60 sugar-cane producers in Mai Son. The survey reveals that there are typically 4 models of contract farming: commitment of land on company's side, commitment of input investment, commitment of input materials provision, and output contract. By exploring the characteristics and performance of typical farming contracts, the study estimates the welfare share between producers and enterprises. Base on the research result, recommendations are: i/ Promote the role played by companies in contract farming; ii/ Apply flexible and various models of contract farming and iii/ Improve the mutual benefits among the contract's stakeholders.

Keywords: Farming contracts, tea production, sugar-cane production, Son La

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sản xuất, tiêu thụ nông sản theo hợp đồng đang trở thành xu thế phổ biến của sản xuất hàng hóa và được coi là phương tiện

quan trọng trong tiêu thụ đối với người nông dân. Eaton và Shepherd (2001) cho rằng sản xuất theo hợp đồng là "thỏa thuận giữa những người nông dân với các doanh nghiệp chế biến hoặc doanh nghiệp kinh doanh

trong việc sản xuất và cung cấp các sản phẩm nông nghiệp dựa trên thỏa thuận giao hàng trong tương lai, giá cả đã được định trước". Theo Sykuta và Parcell (2003), sản xuất theo hợp đồng trong nông nghiệp đưa ra những luật lệ cho việc giao dịch nông sản qua việc phân bổ thật rõ ba yếu tố chính: lợi ích, rủi ro, và quyền quyết định. Điều này có nghĩa là, giá đã được thỏa thuận phải đảm bảo người bán thu được lợi ích nhất định và người mua có thể mua hàng với mức giá có thể chấp nhận được.

Sản xuất theo hợp đồng đã được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới (Đặng Kim Sơn, 2001). Ở Thái Lan, các công ty tư nhân cung cấp vật tư nông nghiệp, vốn tín dụng, hỗ trợ kỹ thuật, mua nông sản và tổ chức tiếp thị. Ở Indonesia, nhà nước xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, hỗ trợ trồng mới vườn cây, sau đó khuyến khích các công ty tư nhân tham gia đầu tư vào nông thôn theo hình thức hợp đồng để tiếp tục phát triển chương trình này. Ở Việt Nam, chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng đã có từ Quyết định 80/2002/QĐ-TTg (QĐ-80) ngày 24/06/2002 (Thủ tướng Chính phủ, 2002). Quá trình triển khai thực hiện QĐ-80 trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam như là sự khởi đầu của chính sách về hợp đồng sản xuất (HĐSX) giữa hộ nông dân với doanh nghiệp. Mặc dù trong thực tế còn nhiều bất cập nhưng QĐ-80 là những căn cứ pháp lý cần thiết để thực hiện thương mại nông nghiệp ở những ngành hàng có điều kiện (Minh Hoài, 2006).

Sơn La là một tỉnh miền núi có nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế. Một số vùng kinh tế sản xuất hàng hóa đã xuất hiện ngày càng nhiều liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất - tiêu thụ theo hợp đồng sản xuất, nhưng trong các HĐSX còn ẩn chứa những mâu thuẫn từ

nhiều khía cạnh như cơ chế, chính sách, quan hệ tái phân phối, tính đồng kiểm soát, lợi ích giữa các bên tham gia,... Bài viết này nhằm làm rõ các hình thức hợp đồng giữa hộ sản xuất trong vùng chè ở Mộc Châu và mía đường Mai Sơn với các Công ty chế biến trong vùng. Nghiên cứu cũng đề cập đến lợi ích trong phân phối giữa doanh nghiệp và người sản xuất, từ đó đề xuất ý kiến về giải pháp để thực thi tốt hơn HĐSX giữa người nông dân với các doanh nghiệp.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Số liệu về kết quả sản xuất trong ngành chè ở Mộc Châu và mía đường ở Mai Sơn trong nghiên cứu này được tổng hợp chủ yếu từ Công ty chè Mộc Châu và Công ty cổ phần mía đường Sơn La. Các số liệu vùng được tổng hợp từ niên giám thống kê và các báo cáo hàng năm của tỉnh.

Số liệu sơ cấp thông qua điều tra tại các hộ sản xuất chè và mía đường, các cơ sở chế biến chè và mía đường trên địa bàn gồm 8 cơ sở chế biến chè, 4 cơ sở chế biến mía đường, 60 hộ sản xuất chè ở Mộc Châu và 60 hộ sản xuất mía ở Mai Sơn. Việc xác định lợi ích của các bên tham gia theo các hình thức HĐSX được tính dựa trên sự ràng buộc của các loại hợp đồng sản xuất. Sau đó, từ chi phí sản xuất 1ha đất trồng nguyên liệu và giá thành chế biến 1 tấn sản phẩm chế biến để tính lợi ích của các bên tham gia trong cả 2 giai đoạn sản xuất và chế biến trên cơ sở dòng sản phẩm tạo ra từ nguyên liệu trong giai đoạn sản xuất nông nghiệp đưa vào để chế biến công nghiệp.

Chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê kinh tế và hạch toán kế toán thông dụng để tính toán các chỉ tiêu trong liên kết 2 giai đoạn sản xuất - chế biến. Các chỉ tiêu kết quả và hiệu quả chủ yếu gồm giá trị sản xuất (GO), giá trị gia tăng (VA), thu nhập

hỗn hợp (MI), lõi rỗng (Pr) được sử dụng để so sánh các hình thức HDSX trong sản xuất chè và mía ở vùng nghiên cứu.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Tình hình thực hiện hợp đồng sản xuất trong ngành chè và mía đường tại Sơn La

#### 3.1.1 Các hình thức hợp đồng trong ngành chè và mía đường giữa hộ sản xuất và doanh nghiệp

Trong vùng chè ở Mộc Châu và mía đường ở Mai Sơn có 4 hình thức hợp đồng chủ yếu (Bảng 1). Mỗi hình thức chứa đựng những đặc điểm riêng theo yêu cầu thu hút nguyên liệu của các công ty và bảo đảm hình thành vùng nguyên liệu ổn định cho doanh nghiệp.

Xét trên phương diện HDSX, cả 4 hình thức đều phản ánh tính chất và mức độ

quan hệ giữa các doanh nghiệp với hộ sản xuất nguyên liệu. Khi chủ động về đất, vườn cây và vốn thì doanh nghiệp nắm ưu thế trong hợp đồng, có quyền nhiều hơn trong các điều kiện ràng buộc của hợp đồng với hộ nông dân về cung ứng nguyên liệu cho chế biến.

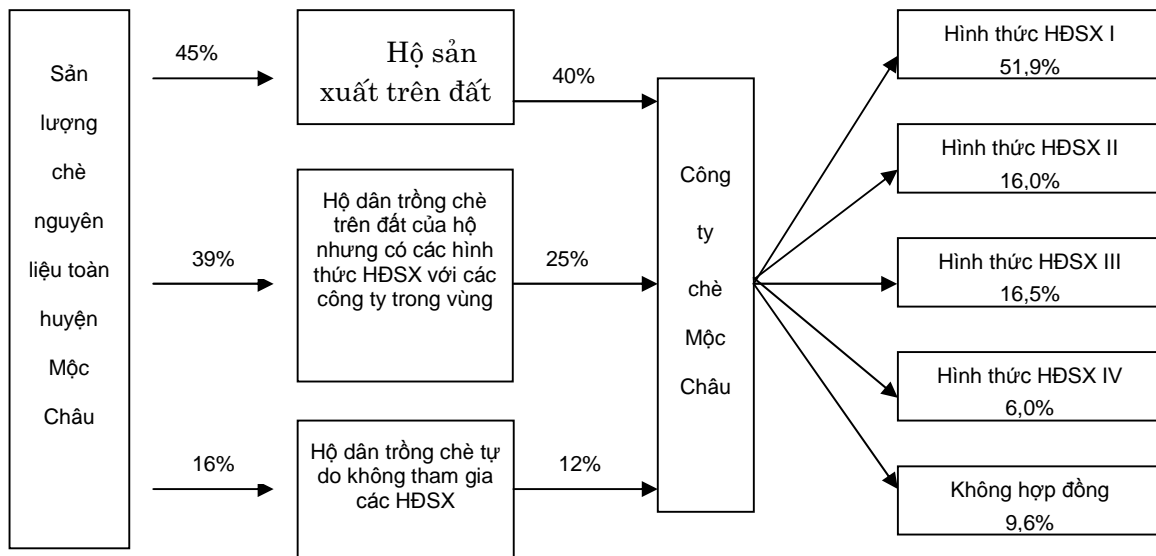
#### 3.1.2 Tình hình thực hiện hợp đồng giữa doanh nghiệp với hộ sản xuất trong vùng

Vùng chè Mộc Châu được hình thành từ những năm 60 của thế kỷ 20, có nguồn gốc từ các nông trường quân đội, do đó vùng nguyên liệu ngày nay phần lớn thuộc các công ty sản xuất - chế biến. Hình 1 mô tả sự phân bố nguyên liệu chè qua các loại hộ sản xuất, qua tỷ trọng nguyên liệu cung ứng cho Công ty chè Mộc Châu (doanh nghiệp sản xuất - chế biến chè lớn nhất trong vùng) và qua các hình thức HDSX giữa Công ty với hộ sản xuất.

Bảng 1. Các hình thức hợp đồng chủ yếu tại vùng chè và mía đường ở Sơn La

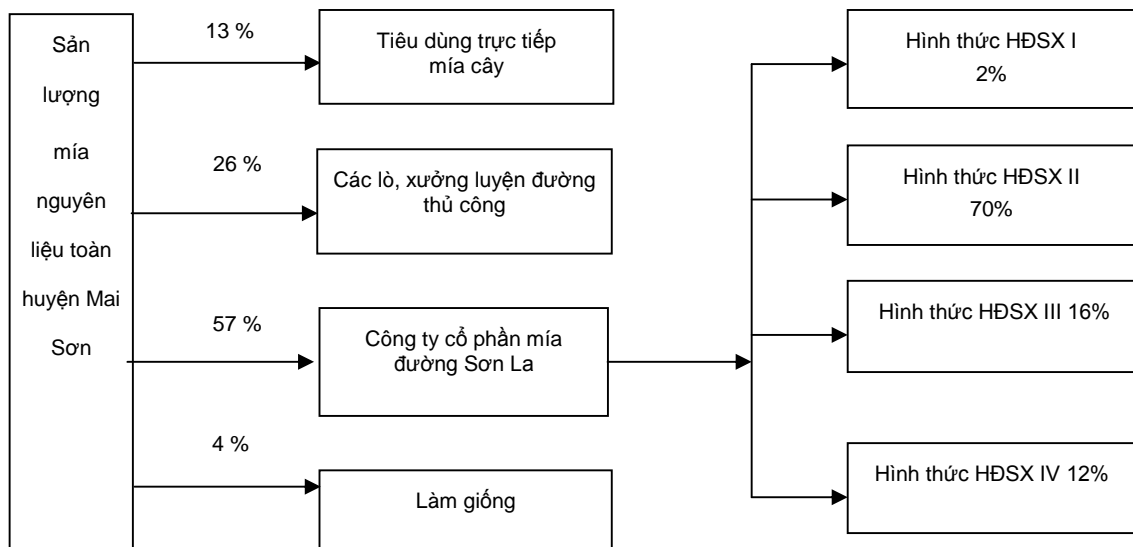
Hình thức hợp đồng	Đặc điểm chính
Hình thức HDSX I: Công ty hợp đồng với hộ sản xuất nhận khoán trên đất của công ty	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về cơ bản là giao khoán vườn cây lâu năm trên đất công ty hoặc giao đất để sản xuất sản phẩm theo yêu cầu của công ty.</li> <li>- Nội dung chính của hợp đồng là công ty giao đất cho hộ sản xuất theo hình thức giao khoán sản phẩm.</li> <li>- Công ty cam kết cung cấp vật tư cho sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật cho hộ sản xuất.</li> </ul>
Hình thức HDSX II: Công ty hợp đồng với hộ sản xuất về đầu tư và thu mua sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ nông dân sử dụng đất của hộ để sản xuất sản phẩm theo hợp đồng với doanh nghiệp.</li> <li>- Công ty ứng trước phân bón, giống, thuốc bảo vệ thực vật, tiền vốn... cho hộ sản xuất và bảo đảm bao tiêu sản phẩm khi thu hoạch.</li> <li>- Công ty cam kết cung cấp vật tư cho sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật cho hộ sản xuất.</li> </ul>
Hình thức HDSX III: Công ty hợp đồng với hộ sản xuất về bán vật tư và thu mua sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ nông dân sử dụng đất của hộ để sản xuất sản phẩm theo hợp đồng với doanh nghiệp.</li> <li>- Công ty bán vật tư cho hộ và thu mua nguyên liệu.</li> <li>- Công ty cam kết bán vật tư cho sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật cho hộ sản xuất.</li> </ul>
Hình thức HDSX IV: Công ty hợp đồng mua sản phẩm với hộ sản xuất tự do	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thể ký hợp đồng hoặc chỉ là các thỏa thuận đơn giản giữa công ty với hộ nông dân. Tính ràng buộc của điều khoản hợp đồng yếu nên dễ bị vi phạm. Hình thức này thường được áp dụng bởi các công ty tư nhân hoặc các công ty có quy mô nhỏ.</li> <li>- Công ty chỉ thu mua sản phẩm của hộ nông dân, trả tiền mặt, không hỗ trợ "đầu vào" cho nông dân.</li> <li>- Người dân có thể bán nguyên liệu cho bất kỳ công ty nào.</li> </ul>

Nguồn: Lê Hữu Ảnh và cộng sự (2011).



Nguồn: Cục Thống kê Sơn La (2010) và Lê Hữu Ảnh và cộng sự (2011).

**Hình 1. Tỷ trọng chè nguyên liệu theo loại hộ sản xuất trong huyện Mộc Châu và các hình thức HĐSX của Công ty chè Mộc Châu**



Nguồn: Cục Thống kê Sơn La (2010) và Lê Hữu Ảnh và cộng sự (2011).

**Hình 2. Tỷ trọng mía nguyên liệu theo sử dụng ở huyện Mai Sơn và các hình thức HĐSX tại Công ty mía đường Sơn La**

Như vậy, vùng chè Mộc Châu có tới 84% chè nguyên liệu có liên kết với các nhà máy chế biến qua các hình thức HDSX khác nhau. Riêng Công ty chè Mộc Châu có gần 52% nguyên liệu chế biến thuộc hình thức HDSX I và hơn 32% nguyên liệu theo hình thức HDSX II và III. Có thể nói HDSX chiếm tỷ trọng tuyệt đối giữa Công ty với các hộ sản xuất trong vùng.

Đối với vùng mía Mai Sơn, Công ty cổ phần Mía đường Sơn La là doanh nghiệp lớn thu mua mía cho chế biến công nghiệp, thu hút tới 57% sản lượng toàn huyện (Hình 2). Để phát triển vùng nguyên liệu, Công ty đã ký hợp đồng với các hộ sản xuất, trong đó 86% lượng nguyên liệu là hình thức HDSX II và III, là các hình thức bảo đảm chắc chắn thu hút được nguyên liệu cho Công ty. Khác với vùng chè Mộc Châu, đất trồng mía chủ yếu là đất của dân nên hình thức HDSX II được doanh

ngiệp tập trung đầu tư để bảo đảm ổn định vùng nguyên liệu cho chế biến.

### 3.1.3 Những điểm khác biệt cơ bản về hợp đồng sản xuất giữa ngành chè và mía đường tại Sơn La

Do đặc điểm ngành sản xuất khác nhau (chè là cây lâu năm, còn mía đường là cây lưu gốc) nên có sự khác biệt về hình thức HDSX giữa các ngành hàng. Mặt khác, vùng chè chủ yếu sản xuất trên đất của Công ty, còn nguyên liệu mía chủ yếu sản xuất trên đất của dân. Bảng 2 phản ánh những nét khác biệt về HDSX giữa chè và mía đường. Đây cũng là cơ sở quyết định liên quan đến nghiên cứu lợi ích các bên tham gia hợp đồng.

Như vậy, khác biệt giữa các HDSX của 2 ngành hàng đã cho thấy sự đa dạng trong việc thực thi QĐ-80 trong thực tiễn. Chính điều đó đã tạo nên “nét riêng” cho từng loại hợp đồng, quyết định đến tính bền vững của hợp đồng theo các ngành hàng.

Bảng 2. Sự khác biệt giữa hợp đồng sản xuất trong ngành hàng chè và mía đường ở Sơn La

STT	Tiêu chí so sánh	Ngành chè	Ngành mía đường
1	Hình thức hợp đồng chiếm ưu thế	Hình thức HDSX I: Công ty hợp đồng với hộ dân nhận khoán trên đất của công ty	Hình thức HDSX II: Công ty hợp đồng đầu tư sản xuất trên đất của dân và thu mua sản phẩm.
2	Quan hệ liên kết giữa công ty và hộ	Công ty giữ quyền chủ động.	Hộ dân sản xuất giữ quyền chủ động.
3	Tính linh động	Khó linh động và sáng tạo do người dân chỉ được sản xuất loại cây trồng theo yêu cầu của công ty.	Linh động, sáng tạo hơn do người sản xuất có thể sử dụng đất đai của mình để trồng nhiều loại cây khác nhau.
4	Rủi ro	Doanh nghiệp ít bị rủi ro về thực hiện hợp đồng.	Doanh nghiệp chịu nhiều rủi ro khi giá nguyên liệu tăng cao.
5	Kết quả thực hiện hợp đồng	Đạt kết quả cao, số hợp đồng bị phá vỡ rất ít (vì người dân vi phạm hợp đồng sẽ bị công ty thu hồi lại đất).	Số hợp đồng bị phá vỡ nhiều hơn (do người dân thường bán mía cho người rao giá cao, nhất là khi giá nguyên liệu tăng).
6	Vai trò của chính quyền	- Chứng kiến và chỉ đạo 2 bên thực hiện cam kết. - Không đủ thẩm quyền giải quyết tranh chấp, chỉ lập biên bản nhắc nhở.	- Tham gia bàn bạc giá năm kế hoạch và xác nhận quan hệ dân sự trong hợp đồng. - Chưa đủ điều kiện giải quyết vướng mắc; chủ yếu là vận động, đôn đốc.

Nguồn: Lê Hữu Ảnh và cộng sự (2011).

3.2 Xác định lợi ích trong liên kết sản xuất - chế biến thông qua hợp đồng sản xuất

Trong HDSX có thể xác định được lợi ích của các bên tham gia bằng việc so sánh các hình thức hợp đồng hoặc quan hệ giữa các bên trong từng loại hợp đồng. Như vậy, vừa có thể khẳng định kết quả sử dụng phương pháp, vừa có cơ sở cho xác định lợi ích của người sản xuất nguyên liệu và người chế biến công nghiệp.

3.2.1 Trường hợp 1: Đánh giá lợi ích các bên qua hình thức hợp đồng sản xuất

Trường hợp này xét theo chủ thể tham gia theo các hình thức HDSX và không xét tới năng suất cây trồng thay đổi qua các năm. Để đánh giá liên kết theo hình thức hợp đồng, trước hết cần tính toán các chỉ tiêu ở giai đoạn sản xuất và giai đoạn chế biến, sau đó tính đến lợi ích cho các bên tham gia. Với trường hợp này, HDSX ngành chè được đưa ra minh họa.

Khi so sánh các chỉ tiêu kết quả sản xuất chè nguyên liệu theo 4 hình thức HDSX ở vùng chè Mộc Châu, Bảng 3 cho thấy giá trị sản xuất; lãi ròng thu được cao nhất ở hình thức

HDSX I và thấp nhất là HDSX IV. Hình thức HDSX II gồm chủ yếu là các hộ chuyển từ cây trồng khác sang chè nên năng suất chè còn thấp. Hình thức HDSX III là các hộ đã có năng suất chè ổn định và không cần sự đầu tư của doanh nghiệp như các hộ ở HDSX II.

Khi so sánh cả hai giai đoạn sản xuất - chế biến chè tính theo sản lượng nguyên liệu tạo ra trên 1 ha được đưa vào chế biến sẽ xác định được lợi ích tạo ra của từng giai đoạn ở các hình thức HDSX khác nhau.

Xét theo giá trị gia tăng, Hình 3 cho thấy sự phân bố khá đồng đều ở cả 4 hình thức HDSX, nhưng khi xét theo lãi ròng tương ứng thì giai đoạn chế biến đang có lợi hơn so với giai đoạn sản xuất nguyên liệu. Hình thức HDSX I và III cho thấy phần nào có sự điều chỉnh tốt hơn về lãi ròng giữa người sản xuất nguyên liệu với người chế biến công nghiệp. Đây cũng là điểm đáng lưu ý trong quan hệ HDSX giữa doanh nghiệp chế biến với hộ sản xuất nguyên liệu. Các doanh nghiệp chế biến không có sự hỗ trợ giá mua nguyên liệu khi điều kiện sản xuất khác nhau. Các hộ càng khó khăn trong sản xuất thì càng thiệt thòi trong phân phối lợi ích qua HDSX.

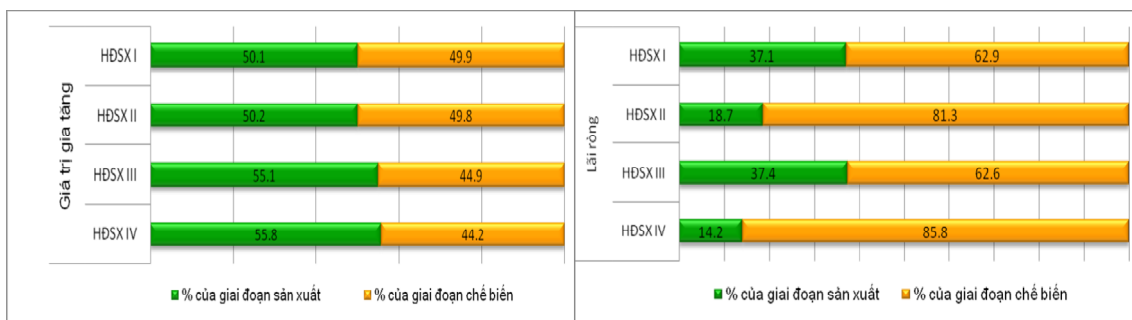
Bảng 3. Các chỉ tiêu kết quả và hiệu quả sản xuất chè nguyên liệu theo các hình thức HDSX

(tính theo sản lượng trung bình 1ha từ các hộ điều tra ở Mộc Châu theo đơn giá năm 2010)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Hình thức hợp đồng			
		HDSX I	HDSX II	HDSX III	HDSX IV
1	Giá trị sản xuất (GO)	56,34	36,74	46,47	29,53
2	Chi phí trung gian (IC)	7,96	6,78	6,58	4,81
3	Giá trị gia tăng (VA)	48,38	29,96	39,89	24,72
4	Thu nhập hỗn hợp (MI)	45,46	27,16	37,14	21,99
5	Lãi ròng (Pr)	15,21	3,66	10,39	1,74

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2010.



Nguồn: Hoàng Thị Hà, 2010.

**Hình 3. Phân bổ giá trị gia tăng và lãi ròng theo các hình thức HDSX chế ở giai đoạn sản xuất nguyên liệu và chế biến công nghiệp**

**3.2.2 Trường hợp 2: Đánh giá lợi ích các bên qua hợp đồng sản xuất phụ thuộc năng suất cây trồng**

Năng suất cây trồng có sự thay đổi lớn trong một chu kỳ kinh tế, việc thực hiện hợp đồng thường được điều chỉnh theo quan hệ lợi ích của mức năng suất từng năm. Năng suất khác nhau liên quan đến mức đầu tư khác nhau, do vậy những hình thức HDSX thường phải thay đổi theo năng suất các năm. Trong trường hợp đó, lợi ích các bên sẽ thay đổi theo mức năng suất (tức là thay đổi giữa các năm). Lấy ví dụ ngành hàng mía đường để so sánh.

Cây mía là cây hàng năm, nhưng có khả năng lưu gốc, đầu tư mới năm đầu, phân bổ chi phí 2 - 3 năm tiếp. Trong sản xuất, mía thường được chia theo tuổi: mía tơ (năm đầu), mía gốc 1 (năm thứ 2), mía gốc 2 (năm thứ 3) và mía gốc 3 (năm thứ 4). Mía lưu gốc thì chi phí về giống, công làm đất giảm rất nhiều so với mía tơ và năng suất mía gốc 1 cao hơn mía tơ và các năm khác. Bảng 4 là

các chỉ tiêu kết quả sản xuất tính trên 1ha trồng mía cho từng năm tại Mai Sơn.

Như vậy, dù phần lớn HDSX mía của Công ty cổ phần mía đường Sơn La là hình thức HDSX II nhưng do năng suất thay đổi nên thực chất là hợp đồng theo sản lượng từng năm (hoặc theo tuổi mía).

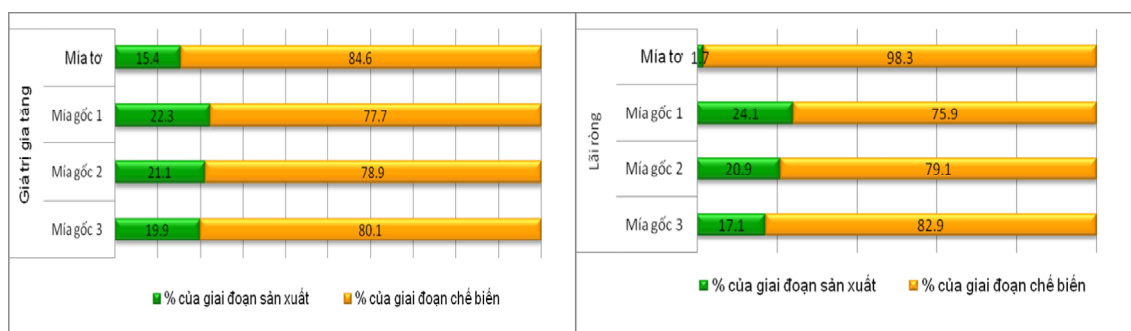
Cả về giá trị gia tăng và lãi ròng, chế biến công nghiệp đều chiếm phần lợi ích chính, giai đoạn sản xuất nông nghiệp chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ, nhất là khi năng suất thấp ở năm mía tơ và năm cuối (Hình 4). Điều đó cho thấy sự bất hợp lý lợi ích quá lớn giữa 2 giai đoạn sản xuất. Điều này cần phải được điều chỉnh chung cho cả 2 giai đoạn và đặc biệt quan tâm đến năm đầu và năm cuối (khi mức năng suất thấp, nhất là khi mới trồng) vì nếu không bảo đảm lợi ích thì người sản xuất có thể bỏ hợp đồng hoặc rất dễ vi phạm hợp đồng để bán cho người khác, khi đó cả doanh nghiệp đầu tư và người sản xuất đều thiệt hại.

**Bảng 4. Các chỉ tiêu kết quả và hiệu quả sản xuất mía a nguyên liệu theo các hình thức HDSX (tính theo sản lượng trung bình 1ha từ các hộ điều tra ở Mai Sơn theo đơn giá năm 2010)**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Mía tơ	Mía gốc 1	Mía gốc 2	Mía gốc 3
1	Giá trị sản xuất (GO)	30,10	43,00	38,70	34,40
2	Chi phí trung gian (IC)	19,29	18,75	18,27	17,59
3	Giá trị gia tăng (VA)	10,81	24,25	20,43	16,81
4	Thu nhập hỗn hợp (MI)	9,16	22,60	18,78	15,16
5	Lãi ròng (Pr)	0,55	14,28	10,79	7,44

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2010.



Nguồn: Hoàng Thị Hà, 2010.

**Hình 4. Phân bổ giá trị gia tăng và lãi ròng theo các mức năng suất của mía đường ở giai đoạn sản xuất nguyên liệu và chế biến công nghiệp**

### 3.3 Một số kiến nghị giải pháp từ nghiên cứu về thực hiện hợp đồng sản xuất

Phát huy vai trò của doanh nghiệp trong quan hệ HDSX: Do thị trường có tác động trực tiếp và quyết định đến hoạt động tổ chức sản xuất - chế biến trong từng vùng, từng cơ sở. Nếu thị trường thuận lợi sẽ thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các vùng nguyên liệu và ngược lại, từ đó nâng cao mối quan hệ liên kết giữa hộ sản xuất với các công ty chế biến (Shoshanah và Joseph, 2001). Như vậy, các doanh nghiệp chế biến phải tìm cách mở rộng thị trường tiêu thụ, bảo đảm ổn định lợi ích từ tiêu thụ thì mới bảo đảm kết gắn người sản xuất nguyên liệu với người chế biến, bảo đảm nguyên liệu cho sản xuất. Giải pháp này chủ yếu do doanh nghiệp sản xuất thực hiện.

Sử dụng đa dạng và linh hoạt hình thức hợp đồng sản xuất - chế biến: Mối liên kết sản xuất - chế biến trong từng doanh nghiệp, từng ngành hàng, từng vùng sản xuất đều có những điểm đặc thù do tính chất ngành hàng, loại hình doanh nghiệp và mức độ tập trung sản xuất trong các vùng nguyên liệu tạo ra. Do đó nhất thiết phải có sự đa dạng và linh hoạt trong các hình thức hợp đồng sản xuất, tránh vận dụng máy móc, áp đặt trong các điều kiện khác nhau. Trường hợp ngành sản xuất chè ở Sơn La cần củng cố

hình thức HDSX I và chú trọng HDSX III thì ngành mía đường cần phát huy hình thức HDSX II và HDSX III. Điều đó bảo đảm ổn định trong quan hệ sản xuất - chế biến trong vùng nguyên liệu.

Cải thiện quan hệ lợi ích giữa các bên trong hợp đồng: Đây là điểm mấu chốt quyết định sự gắn bó bền chặt và lâu dài giữa các bên. Trong sản xuất chè, khi các hình thức HDSX càng có ưu thế cho doanh nghiệp chế biến (HDSX I và HDSX III) thì lãi ròng dành cho doanh nghiệp càng cao. Ngành sản xuất mía đường cần bảo đảm lãi ròng cho người sản xuất nguyên liệu ở những năm đầu (mía tơ) để họ yên tâm đầu tư sản xuất cho các năm sau. Hướng điều chỉnh là lợi ích cuối cùng (lãi ròng) tạo ra từ sản xuất - chế biến phải được *bảo đảm công khai thông tin và chia sẻ công bằng hơn* cho người sản xuất nguyên liệu để phát triển vùng nguyên liệu bền vững và tránh được sự tranh chấp nguyên liệu với các doanh nghiệp khác trong vùng đầu tư của doanh nghiệp.

## 4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu tại vùng sản xuất chè và mía đường ở Sơn La cho thấy xu hướng ngày càng phát triển của sản xuất theo hợp đồng, trong đó các doanh nghiệp chế biến công nghiệp là hạt nhân trung tâm trong liên kết



sản xuất - chế biến ở các vùng nguyên liệu. Có 4 hình thức HĐSX chủ yếu là: i/ Hộ sản xuất nhận khoán trên đất công ty (HĐSX I); Công ty hợp đồng với hộ về đầu tư và thu mua sản phẩm (HĐSX II); Công ty hợp đồng bán vật tư cho hộ và mua sản phẩm (HĐSX III) và Công ty hợp đồng mua sản phẩm (HĐSX IV).

HĐSX phải chú trọng đến đặc điểm ngành hàng và tính chất của doanh nghiệp để có các hình thức thích hợp. Khi doanh nghiệp nắm giữ diện tích đất lớn như ngành chè ở Mộc Châu thì hình thức HĐSX I (giao khoán) là chủ yếu, tiếp đến cần chú trọng hình thức HĐSX III (bán vật tư, mua sản phẩm). Đối với ngành mía đường thì hình thức HĐSX II chiếm ưu thế cần phát huy để giữ vùng nguyên liệu, tiếp đó phải chú trọng hình thức HĐSX III.

Khi xem xét lợi ích trong quan hệ HĐSX, các chỉ tiêu kết quả và hiệu quả sản xuất phản ánh sự đóng góp và quyền lợi của các bên trong hợp đồng. Từ lâu rông cho thấy các hình thức HĐSX càng có ưu thế cho doanh nghiệp thì cũng là các hình thức lâu rông bất lợi cho người sản xuất nguyên liệu.

Các giải pháp đề xuất gồm: phát huy vai trò của doanh nghiệp trong vùng; đa dạng và linh hoạt các hình thức HĐSX theo điều kiện từng doanh nghiệp và cải thiện quan hệ lợi ích trong phân phối giữa các bên tham gia hợp đồng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Hữu Ảnh và cộng sự (2011). Nghiên cứu các giải pháp thực hiện và chuyển giao các mô hình "liên kết 4 nhà" trong các vùng kinh tế hàng hoá ở tỉnh Sơn La. Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội - Sở Khoa học - Công nghệ Sơn La, 1/2011.
- Cục Thống kê tỉnh Sơn La (2010). Niên giám thống kê tỉnh Sơn La 2009. Nhà xuất bản Thống kê.
- Eaton, Charles and Andrew W. Shepherd (2001). Contract Farming Partnership for Growth, FAO Agricultural Services Bulletin 145.
- Hoàng Thị Hà (2010). Nghiên cứu quan hệ liên kết kinh tế với hộ nông dân thông qua hợp đồng sản xuất tại các vùng chè và mía đường ở Sơn La. Luận văn Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- Minh Hoài (2006). "Tiêu thụ nông sản theo hợp đồng sau 4 năm thực hiện (2002-2006)". Tạp chí Cộng sản số 117.
- Shoshanah Cohen and Joseph Rouessel (2001). Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng, NXB Lao động và Xã hội, Hà Nội.
- Đặng Kim Sơn (2001). Hệ thống hợp đồng ở thế giới và Việt Nam - hình thức sản xuất nông nghiệp hứa hẹn, Trung tâm Tư vấn chính sách nông nghiệp, Hà Nội.
- Sykuta, Michael and Joseph Parcell (2003). "Contract Structure and Design in Identity Preserved Soybean Production", Review of Agricultural Economics 25 (2)
- Thủ tướng Chính phủ (2002). Quyết định 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 về chính sách khuyến khích tiêu thụ năng suất hàng hoá thông qua hợp đồng.